

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 01 năm 2020

**BẢN TIN TUẦN**  
**DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC**  
**PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP**  
**TRÊN LƯU VỰC SÔNG SÀI GÒN (VÙNG ĐÔNG NAM BỘ) NĂM 2020**  
(Tuần từ ngày 31 tháng 01 năm 2020 đến ngày 06 tháng 02 năm 2020)

**I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC**

**1. Lượng mưa**

Theo số liệu từ Đài KTTV Nam Bộ, kết quả lượng mưa quan trắc được tại các trạm trong tuần qua như sau:

Trạm	Lượng mưa trong tuần (mm)	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%)					Dự báo tình hình mưa tuần tới
			TBNN	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2016	
Bến Cát	0,0	0,0	- 100,0	- 100,0	- 100,0	- 100,0	-	0,0
Bình Long	0,0	1,8	- 75,9	- 91,7	- 96,9	- 93,2	-	0,0
Cần Đăng	0,0	0,0	- 100,0	- 100,0	- 100,0	- 100,0	-	0,0
Dầu Tiếng	0,0	0,0	- 100,0	- 100,0	- 100,0	- 100,0	- 100,0	0,0
Đồng Ban	0,0	0,0	- 100,0	- 100,0	- 100,0	- 100,0	-	0,0
Gò Dầu	0,0	0,0	- 100,0	- 100,0	- 100,0	- 100,0	-	0,0
Lộc Ninh	0,0	0,0	- 100,0	- 100,0	- 100,0	- 100,0	-	0,0
Sở Sao	0,0	0,2	- 98,4	- 96,9	- 99,7	- 99,4	- 99,0	0,0
Tân Sơn Hòa	0,0	0,0	- 100,0	- 100,0	- 100,0	- 100,0	- 100,0	0,0
Tây Ninh	0,0	0,0	- 100,0	-	- 100,0	- 100,0	-	0,0
<b>Trung bình</b>	<b>0,0</b>	<b>0,2</b>	<b>- 97,4</b>	<b>- 98,7</b>	<b>- 99,7</b>	<b>- 99,3</b>	<b>- 99,7</b>	<b>0,0</b>

Ghi chú: "+", "-" Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

**Nhận xét:**

Lượng mưa lũy tích trung bình các trạm đo chính trên khu vực thấp hơn TBNN 97,4%, thấp hơn năm 2019 là 98,7%, thấp hơn 99,7% so với năm 2018 và thấp hơn so với năm 2017. Lượng mưa trong tuần tại các trạm trong tuần không có mưa (0,0 mm).

Lượng mưa trung bình dự báo trong giai đoạn tiếp theo là khoảng 0,0 mm, có xu hướng thấp hơn trung bình nhiều năm cùng thời kỳ. Nhiệt độ trung bình dự báo phổ biến ở mức cao hơn TBNN cùng thời kỳ.

## 2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi

Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m <sup>3</sup> )	Dung tích trữ hiện tại (triệu m <sup>3</sup> )	W trữ hiện tại so với W <sub>tk</sub> (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)				Xu thế nguồn nước tuần tới	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
				TBNN	2019	2018	2017		
Hồ Dầu Tiếng	1.580,00	1241,64	78,58	- 2,8	+ 2,3	+ 0,1	- 14,5	Giảm	49,23
Hồ Càn Nôm	7,99	5,31	66,40	- 14,7	- 22,9	- 25,2	- 23,2	Giảm	65,08
Hồ Ba Veng	0,8674	0,87	100,00	+ 32,3	+ 19,3	+ 29,5	+ 84,6	Giảm	79,87
Hồ Tha La	23,47	23,47	100,00	+ 0,4	0	0	+ 0,0	Giảm	86,29
Hồ Bù Nâu	0,614	0,61	100,00	+ 16,3	0	+ 9,6	+ 57,9	Giảm	42,98
Hồ Tà Thiêt	1,15	0,958	83,27	+ 20,6	+ 11,2	- 2,9	+ 71,2	Giảm	27,23
Hồ Rừng Cắm	2,068	1,81	87,64	+ 4,7	- 12,4	- 3,7	+ 40,6	Giảm	62,47
Hồ Tà Te	0,756	0,71	93,83	+ 14,2	+ 7,0	+ 4,6	+ 43,2	Giảm	58,85
Hồ Suối Lấp	0,37	0,37	100,00	- 58,3	+ 2,7	+ 27,6	+ 98,9	Giảm	88,61
Hồ Lộc Thạnh	2,957	2,96	100,00	+ 60,0	+ 32,8	+ 47,9	+ 95,1	Giảm	65,54
<b>Trung bình/Tổng</b>	<b>1.620,24<sup>(*)</sup></b>	<b>1.278,70</b>	<b>78,92</b>	<b>+ 7,3</b>	<b>+ 4,0</b>	<b>+ 8,7</b>	<b>+ 45,4</b>		<b>49,90</b>

Ghi chú: “+”, “-” Dung tích trữ tăng, giảm so với cùng kỳ. (\*): Giá trị tổng.

### Nhận xét:

Tổng dung tích trữ thiết kế của các công trình trên khu vực là 1.620 triệu m<sup>3</sup>. Nguồn nước trong các hồ chứa tính đến thời điểm ngày 30/01/2020 ở mức khá so với DTTK, tổng dung tích trữ hiện tại là 1.278,70 triệu m<sup>3</sup> (đạt 78,92% DTTK). Tổng dung tích trữ các hồ chứa cao hơn so với cùng kỳ năm 2019, cao hơn cùng kỳ năm 2018, cao hơn so với cùng kỳ năm 2017 và TBNN.

## II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, TÌNH HÌNH HẠN HÁN VÀ KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG NƯỚC

### 1. Khả năng cấp nước

#### a. Kế hoạch sử dụng nước

Theo kết quả tính toán, tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất tháng 2 của vụ Đông Xuân 2019-2020 của 10 hồ chứa lớn và vừa trên lưu vực sông Sài Gòn (vùng Đông Nam Bộ) là **54,70** triệu m<sup>3</sup>.

TT	Tên hồ chứa	Vụ Đông Xuân 2019-2020				Nhu cầu nước tưới tháng 2 cho vụ Đông Xuân 2019-2020 (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )
		Diện tích sản xuất vụ Đông Xuân (ha)				
		Lúa	Rau màu	Cây CNDN	Thủy sản	
<b>Tổng cộng</b>		<b>6.715,0</b>	<b>1.681,0</b>	<b>35.265,0</b>	<b>447,0</b>	<b>54,70</b>
1	Hồ Dầu Tiếng	6.500	1.647	32.613	440	51,66
2	Hồ Càn Nôm	89	31		7	0,30
3	Hồ Ba Veng			70		0,06
4	Hồ Tha La	10	3	2.237		2,00
5	Hồ Bù Nâu	42		50		0,15
6	Hồ Tà Thiêt	70		20		0,29
7	Hồ Rừng Cắm			90		0,08
8	Hồ Tà Te	4		30		0,04
9	Hồ Suối Lấp			85		0,07
10	Hồ Lộc Thạnh			70		0,06

b. Dự báo nguồn nước đến hồ chứa

TT	Tên hồ chứa	Dự báo khả năng dòng chảy tới các hồ chứa tháng 2 năm 2019 (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )
1	Hồ Dầu Tiếng	105,15
2	Hồ Càn Nôm	0,56
3	Hồ Ba Veng	0,15
4	Hồ Tha La	9,49
5	Hồ Bù Nâu	0,47
6	Hồ Tà Thiết	0,05
7	Hồ Rừng Cẩm	0,32
8	Hồ Tà Te	0,05
9	Hồ Suối Láp	0,23
10	Hồ Lộc Thạnh	0,29

c. Kết quả tính toán cân bằng nước và các khuyến cáo cho từng công trình

Dựa vào xu thế mưa một số năm gần đây; kết quả dự báo của Đài KTTV khu vực Nam Bộ; kế hoạch sử dụng nước; và kết quả tính toán cân bằng nước tháng 2 cho vụ Đông Xuân, kết quả dự báo tuần từ ngày 31/01/2020 đến ngày 06/02/2020 như sau:

**- 10/10 hồ chứa có khả năng đảm bảo cấp nước 100%:** Hồ Dầu Tiếng, hồ Càn Nôm, hồ Ba Veng, hồ Tha La, hồ Bù Nâu, hồ Tà Thiết, hồ Rừng Cẩm, hồ Tà Te, hồ Suối Láp, hồ Lộc Thạnh.

Tên công trình	Dung tích hiện tại so với DTTK (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Đông Xuân 2019-2020 từ ngày 31/01/2020 đến 06/02/2020			Ghi chú
			Dung tích so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
Hồ Dầu Tiếng	78,58	41.200	76,33	100	41.200	Đủ nước
Hồ Càn Nôm	66,40	127	65,27	100	127	Đủ nước
Hồ Ba Veng	100,00	70	100,00	100	70	Đủ nước
Hồ Tha La	100,00	2.250	100,00	100	2.250	Đủ nước
Hồ Bù Nâu	100,00	92	100,00	100	92	Đủ nước
Hồ Tà Thiết	83,27	90	82,02	100	90	Đủ nước
Hồ Rừng Cẩm	87,64	90	87,42	100	90	Đủ nước
Hồ Tà Te	93,83	34	93,42	100	34	Đủ nước
Hồ Suối Láp	100,00	85	100,00	100	85	Đủ nước
Hồ Lộc Thạnh	100,00	70	100,00	100	70	Đủ nước
<b>Trung bình/Tổng</b>	<b>78,92</b>	<b>44.108<sup>(*)</sup></b>	<b>76,71</b>	<b>100</b>	<b>44.108<sup>(*)</sup></b>	

Ghi chú: <sup>(\*)</sup> giá trị tổng.

**2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi**

Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
			Năm Min	TBNN	Năm Max	
Tây Ninh	Thanh Bắc – Tân Biên	0,2	-	- 99	- 100	Rủi ro hạn thấp

Dầu Tiếng	Tân Hà – Tân Châu		0,3	-	- 98	- 100	Rủi ro hạn thấp
	Thanh Đức – Gò Dầu						
	Cầu Khởi – Dương Minh Châu						
	Gia Lộc – Trảng Bàng						
<b>Trung bình</b>			<b>0,2</b>	<b>-</b>	<b>- 98</b>	<b>- 100</b>	<b>Rủi ro hạn thấp</b>

Ghi chú: “+”, “-” Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

### Nhận xét và khuyến cáo:

Lượng mưa trung bình của các khu vực nằm ngoài công trình thủy lợi thấp hơn lượng mưa TBNN, tương đương so với năm có lượng mưa nhỏ nhất (do lượng mưa cộng dồn năm nhỏ nhất tính đến thời điểm ngày 06/2 các trạm là bằng 0 mm). Như vậy, với lượng mưa đo được từ đầu năm đến nay rất ít (phổ biến không mưa), có khả năng xảy ra hạn hán đối với khu vực sản xuất nông nghiệp nằm ngoài khu tưới các công trình thủy lợi, khuyến cáo người dân có kế hoạch sử dụng nguồn nước tại chỗ hợp lý, sử dụng các biện pháp tưới tiết kiệm nước. Cần tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo thời tiết và bản tin dự báo nguồn nước tiếp theo để chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn.

### **3. Tổng hợp thông tin hạn hán**

Diện tích gieo trồng (ha)			Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước (ha)	Diện tích không canh tác do thiếu nước (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
Tổng cộng	Lúa	Cây trồng khác			Lúc cao nhất	Hiện tại	Dự báo xu thế (tăng/giảm)
44.108	6.715	37.393					

### **III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 06/02/2020 cho thấy tổng dung tích trữ trong các hồ chứa đạt 1.242,9 triệu m<sup>3</sup> (chiếm 76,71% so với dung tích trữ thiết kế). Nguồn nước tại 10/10 hồ chứa trên lưu vực sông Sài Gòn (vùng Đông Nam Bộ) có khả năng đáp ứng đủ 100% cho sản xuất nông nghiệp và cấp nước theo nhiệm vụ thiết kế. Vì vậy, kế hoạch sử dụng nước tại các hồ thủy lợi đến ngày 06/02/2020 không thay đổi.

Hiện tại, khu vực đang trong mùa khô 2019-2020. Để bảo đảm cấp nước cho sản xuất nông nghiệp vụ Đông Xuân 2019-2020, kiến nghị một số nội dung sau: **(1)** Các vùng ngoài phạm vi cấp nước của các CTTL cần theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết, nguồn nước để thực hiện kế hoạch gieo trồng, giảm thiểu thiệt hại khi nguồn nước không đảm bảo. Tranh thủ bơm, tát, trữ nước dự trữ khi có điều kiện về nguồn nước. **(2)** Tăng cường công tác tuyên truyền, thường xuyên thông báo tình hình thời tiết,

nguồn nước để điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp; (3) Duy tu, sửa chữa công trình phục vụ phòng, chống hạn mặn. Nạo vét một số trục kênh chính, ưu tiên đầu tư nạo vét hệ thống thủy lợi nội đồng củng cố bờ bao ngăn mặn, trữ ngọt, sửa chữa các cống, bọng, điều tiết nước... để tăng khả năng trữ nước ngọt và giữ kín nước, giảm tổn thất rò rỉ, trữ nước trên hệ thống kênh rạch nội đồng chống hạn, đảm bảo cấp nước sinh hoạt và phục vụ sản xuất.

Trên cơ sở bản tin dự báo nguồn nước của 10 hồ chứa trên lưu vực sông Sài Gòn-vùng Đông Nam Bộ, các địa phương cần tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo hàng tuần tiếp theo và phản hồi những diễn biến bất thường về thời tiết, kế hoạch sản xuất, quản lý vận hành công trình hồ chứa tới Tổng cục Thủy lợi và Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam để kịp thời cập nhật tin dự báo.

Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 07/02/2020 (tuần sau)/.

***Nơi nhận:***

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Tổng cục Thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo các sở NN&PTNT, CCTL, Cty KTCTTL 06 tỉnh vùng ĐNB;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc TCTL (để b/c);
- Cục Trồng trọt (Phòng CLT);
- Website TCTL, website Viện QHTLMN (để đăng tin);
- Lưu P. QHTL ĐNB và phụ cận.

**VIỆN TRƯỞNG**